

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ DẦU  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 08-8-2022  
V/v: Tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Kim Quyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Thúy Hằng
2. Ông Hồ Huy Cường

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Lương Bá Xanh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 về “Tranh chấp về ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1988 (vắng mặt).
  2. Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng H, sinh năm 1986 (vắng mặt).
- Cùng địa chỉ: Ấp SC A, xã PD, huyện GD tỉnh TN.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé T trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Trọng H chung sống với nhau vào năm 2011, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện TB năm 2011. Sau khi kết hôn anh chị về sinh sống tại nhà cha mẹ ruột của chị tại ấp SC A, xã PD, huyện GD đến khi ly thân.

Từ khi chung sống với anh H chị nhận thấy anh chị không hợp nhau về tính tình nên thường xuyên gây gổ và sau đó sống ly thân từ năm 2018 đến nay mà không bàn việc đoàn tụ do nhận thấy không còn tình cảm, tiếp tục chung sống sẽ không được hạnh phúc. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Anh chị có 01 người con chung là cháu Nguyễn Chí T, sinh ngày 29-7-2012 nhưng đã mất nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn Nguyễn Trọng H:* Tại bản tự khai ngày 11-4-2022 anh H trình bày ý kiến như sau: Về hôn nhân anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Về con chung hiện không còn nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết, đồng thời anh xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án mời để thu thập chứng cứ.

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:*

- Về pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh H. Về con chung: Không yêu cầu giải quyết do đã chết. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị T và anh H vắng mặt tại phiên tòa nhưng anh chị có đơn xin vắng mặt nên vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh H chung sống với nhau vào năm 2011, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện TB năm 2011. Do đó, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị T có yêu cầu ly hôn Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T: Theo chị trong thời gian chung sống với anh H giữa anh chị có mâu thuẫn và gây gổ, sống ly thân từ năm 2018 đến nay mà

không bàn việc đoàn tụ. Đối với anh H, mặc dù không đến Tòa án để làm việc nhưng tại biên bản tự khai anh H xác nhận giữa anh chị có mâu thuẫn trong hôn nhân nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Xét thấy, giữa anh chị có xảy ra mâu thuẫn, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh H là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị đều xác nhận con chung không còn, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Bé T đối với anh Nguyễn Trọng H. Chị T được ly hôn với anh H.

2. Về con chung: Anh chị khai không còn, không yêu cầu nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0024091 ngày 18-3-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã TP;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Kim Quyên**